

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 03/2019/DSST

Ngày 30/01/2019

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

-----

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Kim Loan.

2. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

**Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Phan Văn Chung – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2018/TLST – DS ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐST – DS ngày 02/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: khu 2, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh TG.

2. Bị đơn: Ông **Phan Văn C**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh TG.

Tạm trú: khu 2, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh TG.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị **Phan Hạnh Ch**, sinh năm 1999.

3.2 Bà **Trương Thị Lan C**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh TG.

Tạm trú: khu 2, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh TG.

3.3 Bà **Phạm Ánh P**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khu 2, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh TG.

(Tại phiên tòa có mặt ông S, ông C, bà C, vắng mặt bà P và chị Ch).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Ngày 05/10/2017 ông Phan Văn C có vay tôi số tiền là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), lãi suất là 2% trên tháng, thời hạn trả là ngày 19/02/2018.

Ngày 03/01/2018, ông Phan Văn C có vay tôi số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), lãi suất là 2% trên tháng, thời hạn trả là ngày 19/02/2018.

Cả 02 lần vay trên ông Phan Văn C điều có làm biên nhận vay tiền cho tôi.

Ngày 23/7/2018, tôi có mua kiếng của ông Phan Văn C với số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tôi có làm biên nhận vay tiền cho ông C.

Nay, tôi yêu cầu ông Phan Văn C trả số tiền vốn vay là 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng) trừ 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tiền mua kiếng còn lại là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), yêu cầu tính lãi theo mức 1.67% trên tháng trên tổng số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), tính từ ngày nộp đơn đến nay làm tròn là bảy tháng với số tiền 23.380.000đ (hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng). Tổng cộng, tôi yêu cầu ông Phan Văn C trả vốn và lãi là 223.380.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng) làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Phan Văn C trình bày:

Tôi thừa nhận là có ký tên trên hai biên nhận vay tiền ngày 05/10/2017 và ngày 03/01/2018, tổng số tiền vay trên hai biên nhận là 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng). Vợ tôi là bà Trương Thị Lan C và con gái tôi là chị Phan Hạnh Ch có xuống nhà anh Nguyễn Văn S trả cho ông S số tiền là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) có sự chứng kiến của bà Phạm Ánh P là vợ ông S.

Ngày 23/7/2018, ông Nguyễn Văn S có mua kiếng của tôi số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), ông S có làm biên nhận mượn tiền cho tôi.

Vì vậy, tôi chỉ đồng ý trả cho anh S số tiền là 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng) trừ 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) đã trả trước và trừ 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tiền mua kiếng còn lại là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), trả một lần vào ngày 01/12/2019.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Ánh P trình bày:

Tôi thống với ý kiến của chồng tôi là ông Nguyễn Văn S, tôi và ông S không có nhận số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) của bà Trương Thị Lan C là và cháu Phan Hạnh Ch.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Lan C trình bày:

Tôi đồng ý với ý kiến của chồng tôi là ông Phan Văn C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phan Hạnh Ch trình bày:

Cha tôi là ông Phan Văn C có mượn tiền của ông Nguyễn Văn S 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng), sau đó tôi và mẹ tôi là bà Trương Thị Lan C có đưa cho ông Nguyễn Văn S 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) tại nhà ông S có sự chứng kiến của vợ ông S. Ông S có nói đợi khi trả hết số tiền còn lại rồi nhận giấy biên nhận luôn, vợ chồng ông S có đếm tiền rồi tôi và mẹ tôi mới đi. Cha tôi có trả thêm 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) là tiền bán mai cho ông S, tôi chỉ đồng ý cha tôi phải trả số tiền còn lại cho ông S là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Người làm chứng bà Võ Thị Hg trình bày: Tôi ở gần nhà nên biết rất rõ ông Nguyễn Văn S và ông Phan Văn C, khoản tháng 7 (âm lịch) năm 2018 tôi lên nhà ông Chín Hoàng chơi thì nghe ông C và ông S lời qua tiếng lại, ông S nói “Vợ của ông C

là bà C và con là chị Ch có đem xuống nhà ông S một cục tiền đựng trong một túi nilong rồi đưa cho ông S và vợ ông S là bà P với số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) rồi về. Ông S còn thách thức ông C về tìm biên nhận đi rồi nói chuyện”. Tôi không có chứng kiến việc giao tiền.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Su trình bày: Tôi là Thiêm dâu của ông C và là Mợ dâu của ông S. Vào tháng 7 (âm lịch) năm 2018, tại nhà tôi ông S và ông C có lời qua tiếng lại với nội dung “Ông C cho rằng vợ ông C là bà C và con ông C là chị Ch có đem một cục tiền đựng trong một túi nilong màu đen với số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) để trả nợ cho ông S, lúc đó có ông S và vợ ông S là bà P đếm tiền. Nhưng ông S không thừa nhận sự việc trên, ông S cho rằng từ trước tới giờ ông S không có nhận số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) như lời ông C trình bày. Ông S có nói nếu ông C có đưa số tiền trên sao không có biên nhận hay giấy tờ nhận tiền”. Tôi không có chứng kiến việc giao tiền, cũng không biết ông C có trả tiền cho ông S hay không.

Người làm chứng ông Phan Văn Ho trình bày: Tôi Chủ ruột của ông C và là Cậu ruột của ông S. Trước khi ông S khởi kiện ông C ra Tòa, tại nhà tôi ông S và ông C có lời qua tiếng lại với nội dung “Ông C nói là có trả cho ông S số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) nhưng ông S không có ý kiến trả lời ông C. Ông C nói tiếp là vợ và con của ông C đem xuống nhà ông S một cục tiền đựng trong bịch đen với số tiền là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) đưa cho ông S và vợ ông S đếm lại thì lúc đó ông S nói vậy giấy tờ bằng chứng nhận tiền đâu”. Tôi không có chứng kiến việc giao tiền cũng không biết ông C có trả tiền cho ông S không chỉ nghe hai bên lời qua tiếng lại như vậy.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn C trả số tiền vốn vay là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), yêu cầu tính lãi 1.67% trên tháng, tính từ ngày nộp đơn đến nay làm tròn là bảy tháng với số tiền  $(1.67\% \times 200.000.000\text{đ}) \times 07 = 23.380.000\text{đ}$ , yêu cầu trả vốn và lãi tổng cộng 223.380.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng) làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Phan Văn C chỉ đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền vốn vay là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) trả một lần vào ngày 01/12/2019, không đồng ý trả lãi.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Phan Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền vốn vay là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và 07 tháng tiền lãi là 23.380.000đ (hai mươi ba triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng), tổng cộng vốn lãi là 223.380.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng) làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S yêu cầu ông Phan Văn C trả số tiền vốn vay là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), yêu cầu tính lãi 1.67% trên tháng, tính từ ngày nộp đơn đến nay làm tròn là bảy tháng với số tiền  $(1.67\% \times 200.000.000\text{đ}) \times 07 = 23.380.000\text{đ}$ , yêu cầu trả vốn và lãi tổng cộng 223.380.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng) làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu trên là tranh chấp dân sự về “hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét bị đơn ông Phan Văn C có đăng ký hộ khẩu tạm trú tại thị trấn MP, huyện TP, tỉnh TG. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh TG.

[3] Về tố tụng: Bà Phạm Ánh P, chị Phan Hạnh Ch vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà Phạm Ánh P và chị Phan Hạnh Ch.

[4] Xét việc nguyên đơn ông Nguyễn Văn S thay đổi yêu cầu khởi kiện, từ việc yêu cầu ông Phan Văn C phải trả số tiền vốn vay 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng) xuống yêu cầu ông Phan Văn C trả số tiền vốn vay là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Xét việc thay đổi yêu cầu của ông Nguyễn Văn S là giảm so với yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông S.

[5] Xét nội dung yêu cầu của ông Nguyễn Văn S:

[5.1] Đối với yêu cầu ông Phan Văn C trả số tiền vốn vay là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Ông S có đưa ra được hai biên nhận: Biên nhận ngày 05/10/2017 (âm lịch) với số tiền là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), lãi suất là 2% trên tháng, thời hạn trả là ngày 19/02/2018 (bút lục 56). Biên nhận ngày 03/01/2018 với số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), lãi suất là 2% trên tháng, thời hạn trả là ngày 19/02/2018 (bút lục 57). Tổng số tiền trong hai biên nhận là 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng). Ngày 23/7/2018, ông S có mua kiếng của ông C với số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) trừ vào số tiền nợ vay như vậy ông C còn nợ ông S 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Ông C thừa nhận có vay của ông S hai lần tiền như ông S trình bày tổng cộng 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự khẳng định ông Phan Văn C có vay của ông Nguyễn Văn S số tiền 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng) trừ vào tiền ông S mua kiếng còn nợ ông C 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) hiện tại ông Phan Văn C còn nợ lại ông Nguyễn Văn S số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) là có thật. Ông Phan Văn C cho rằng con gái ông là chị Phan Hạnh Ch và vợ ông là bà Trương Thị Lan C có trả cho ông Nguyễn Văn S và vợ ông S là bà Phạm Ánh P số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) nhưng ông C không cung cấp được biên nhận nhận số tiền trên có chữ ký nhận của ông Nguyễn Văn S hay bà Phạm Ánh P. Ông C có cung cấp lời khai của những lời làm chứng gồm bà Võ Thị H, bà Nguyễn

Thị Su và ông Phan Văn Hg nhưng cả ba người làm chứng đều khẳng định không có chứng kiến việc bà C, cháu Ch giao số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) cho ông S và bà P và không biết có việc giao tiền hay không. Ông Nguyễn Văn S và vợ là bà Phạm Ánh P đều không thừa nhận có nhận số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) từ bà C và cháu Ch nên không có cơ sở chấp nhận cho ý kiến của ông Phan Văn C.

[5.2] Đối với yêu cầu tính lãi 1.67% trên tháng trên số tiền vốn gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), tính từ ngày nộp đơn đến ngày xét xử làm tròn là bảy tháng với số tiền  $(1.67\% \times 200.000.000\text{đ}) \times 7 = 23.380.000\text{đ}$  (hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng). Xét thấy giữa ông Nguyễn Văn S và ông Phan Văn C trong hợp đồng vay có thể hiện rõ lãi suất cho vay là 2% trên tháng là vượt quá mức quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Ông Nguyễn Văn S yêu cầu tính lãi mức 1.67% trên tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự và thời gian tính lãi 07 tháng tính ngày nộp đơn 14/6/2018 đến ngày xét xử 30/01/2019 là 07 tháng 16 ngày nhưng ông S yêu cầu tính tròn 07 tháng là có lợi cho bị đơn, số tiền lãi  $(1.67\% \times 200.000.000\text{đ}) \times 07 \text{ tháng} = 23.380.000\text{đ}$  (hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng) là đúng.

[5.3] Ông Phan Văn C xin trả số tiền vốn vay còn nợ cho ông Nguyễn Văn S là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), xin không trả lãi và xin trả làm một lần vào ngày 01/12/2019. Như đã phân tích ở trên yêu cầu của ông Phan Văn C là không có cơ sở và không được ông Nguyễn Văn S đồng ý nên cần buộc ông Phan Văn C trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền vốn vay là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và 07 tháng tiền lãi là 23.380.000đ (hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng), tổng cộng vốn và lãi là 223.380.000đ (hai trăm hai mươi triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng), trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí:

[6.1] Ông Phan Văn C phải chịu án phí sơ thẩm là 05% trên số tiền 223.380.000đ.

[6.2] Ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn S đối với ông Phan Văn C.

1.1 Buộc ông Phan Văn C trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền vốn vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 23.380.000đ (hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng), tổng cộng vốn và lãi là 223.380.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng) thực hiện làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày ông Nguyễn Văn S có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phan Văn C không trả số tiền nêu trên thì ông Phan Văn C còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

### *2. Về án phí:*

2.1 Ông Phan Văn C phải chịu 11.169.000đ (mười một triệu, một trăm sáu mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn S 5.750.000đ (năm triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19324 ngày 14/6/2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

### *3. Về kháng cáo:*

3.1 Ông Nguyễn Văn S, ông Phan Văn C, bà Trương Thị Lan C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày Tòa tuyên án.

3.2 Bà Phạm Ánh P và chị Phan Hạnh Ch được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tòa tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên kết thúc lúc 10 giờ 50 phút cùng ngày có mặt ông Sơn, ông Cường, bà Chi, vắng mặt bà Phượng và chị Chinh.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Trần Hữu Tính**

